

**BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH**  
**Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch**  
**trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

| <b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>THUYẾT MINH</b>                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>Khoản 2, Điều 1</b><br><b>Đối tượng áp dụng</b><br>a) Đối tượng thu lệ phí: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố ( <i>sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện</i> ); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ( <i>sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã</i> ) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.<br>b) Đối tượng nộp lệ phí: Cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.<br>c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. | <b>Khoản 1 Điều 1</b><br><b>Đối tượng áp dụng:</b><br>a) Người nộp lệ phí là cá nhân được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (Ủy ban nhân dân cấp xã) và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (Ủy ban nhân dân cấp huyện) giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật không bao gồm việc cấp bản sao trích lục hộ tịch;<br>b) Tổ chức thu lệ phí;<br>c) Tổ chức, cá nhân có liên quan khác. | <b>2. Khoản 2 Điều 1.</b><br><b>Đối tượng áp dụng</b><br>a) Đối tượng thu lệ phí: Ủy ban nhân dân xã, phường ( <i>sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã</i> ) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.<br>b) Đối tượng nộp lệ phí: Cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.<br>c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan. | Giữ nguyên một số nội dung theo quy định tại Nghị quyết số 20/2022/NQ- HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang, đồng thời bãi bỏ đối tượng thu lệ phí là Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp |
| <b>Điều 2. Mức thu lệ phí hộ tịch</b><br>1. Mức thu đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã<br><b>(Cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 khoản 1, Điều 2)</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Khoản 3 Điều 1</b> Mức thu lệ phí hộ tịch:<br>Theo phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.<br><b>Cột 1, Phần I Phụ lục:</b>                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>Điều 2. Mức thu lệ phí hộ tịch</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Kết cấu theo Nghị quyết số 20/2022/NQ- HĐND ( <i>Biểu trong nội dung nghị quyết nhằm thuận tiện cho việc tra cứu</i> ) và bố cục theo 03 phần: (1). Việc đăng ký hộ tịch của                                                                  |

| <b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>                                                                                                                                |                                                                                                                                                                     | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>                                                                                                                                                                                                                                   | <b>THUYẾT MINH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</b>                                                                                              | <b>Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang</b>                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                          | <p>công dân Việt Nam cư trú ở trong nước;</p> <p>(2). Việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài;</p> <p>(3). Mức thu lệ phí hộ tịch khi nộp hồ sơ trực tuyến để triển khai kịp thời, đồng bộ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 14/3/2025 và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, từng bước khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.</p> |
| <b>1. Đăng ký khai sinh, gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân: 8.000 đồng/trường hợp</b> | <b>1. Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân): 6.000đ/trường hợp</b> | <p>Mức thu lệ phí áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước:</p> <p>1. Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân: 6.000 đồng/trường hợp</p> | Bằng mức lệ phí quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                   |

| <b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>                                                                 |                                                                                                          | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>                                                                                      | <b>THUYẾT MINH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</b>                               | <b>Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang</b>                              |                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>2. Đăng ký khai tử, gồm: Đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử: 8.000 đồng/ trường hợp</b> | <b>2. Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử): 6.000 đồng/trường hợp.</b> | <b>2. Đăng ký khai tử, gồm: Đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử: 6.000 đồng/trường hợp.</b> | Bảng mức lệ phí quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>3. Đăng ký lại kết hôn: 25.000 đồng/trường hợp</b>                                                       | <b>3. Kết hôn (đăng ký lại kết hôn): 20.000đ/việc.</b>                                                   | <b>3. Đăng ký lại kết hôn: 20.000đ/việc.</b>                                                                | Quy định tên thủ tục theo Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND <i>(do thủ tục đăng ký kết hôn được miễn lệ phí nên không quy định tại Biểu)</i> ; quy định mức thu lệ phí bằng mức thu tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh.<br>- Giữ nguyên mức lệ phí đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài, gồm: Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn theo Nghị quyết số 20/2022/NQ- HĐND và Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND. |

| VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH                                   |                                                                      | DỰ THẢO VĂN BẢN                                | THUYẾT MINH                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang | Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang |                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|                                                                        |                                                                      |                                                | <p>- Quy định tên thủ tục là “Đăng ký kết hôn <u>có yếu tố nước ngoài</u>” cho phù hợp với quy định tại Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (<i>Quyết định số 163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026</i>).</p> <p>- Chuyển nội dung đăng ký kết hôn tại cột 3 khoản 2, Điều 2 Nghị quyết số 20/2022/NQ- HĐND và cột 3 Phần II Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 21/2022/NQ- HĐND cho phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (<i>sau khi chính quyền địa phương cấp huyện kết thúc hoạt động thủ tục hành chính này thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã</i>).</p> |
| 4. Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/trường hợp                   | 4. Nhận cha, mẹ, con: 12.000 đồng/việc                               | 4. Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 12.000 đồng/việc | Bằng mức lệ phí như quy định tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho phù hợp với tình hình kinh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

| <b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                            | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>                                                                                  | <b>THUYẾT MINH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</b>                                                                                          | <b>Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang</b>                                                                                                                |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                            |                                                                                                         | tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <p>5. Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước: 15.000 đồng/trường hợp</p> | <p>5. Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước: 10.000 đồng/việc</p> <p>6. Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước: 6.000 đồng/việc</p> | <p>5. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc: 10.000 đồng/trường hợp.</p> | <p>Gộp các thủ tục: (1) Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước; (2) Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước; (3) Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc tại cột 5, 6 khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 20/2022/NQ- HĐND; cột 5, 6 phần I và cột 6 phần II Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND, và Quy định tên thủ tục “Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc” cho phù hợp với Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ trưởng Bộ Tư pháp (<i>Quyết định số 163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026</i>) và phù hợp với mô hình chính quyền địa</p> |

| <b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>                                                                                                                                   | <b>THUYẾT MINH</b>                                                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</b>                                                                                                                         | <b>Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang</b>                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |
|                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                          | phương 02 cấp (sau khi chính quyền địa phương cấp huyện kết thúc hoạt động thủ tục này thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã); đồng thời quy định một mức lệ phí.              |
| <b>6. Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 15.000 đồng/trường hợp.</b>                                                                                                                              | <b>7. Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 12.000 đồng/việc</b>                                                                                                                                                                                  | <b>6. Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: 12.000 đồng/việc</b>                                                                                        | Bằng mức lệ phí tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh.                                                        |
| <b>7. Xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác: 5.000 đồng/trường hợp.</b>                                                                                                              | <b>8. Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác: 6.000 đồng/việc</b>                                                                                                                                                                  | <b>7. Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác: 6.000 đồng/trường hợp</b>                                            | Bằng mức lệ phí tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh, gộp vào 1 mục do mức lệ phí như nhau (6.000đ). |
| <b>8. Đăng ký hộ tịch khác: 8.000đồng/trường hợp</b>                                                                                                                                                  | <b>9. Đăng ký hộ tịch khác: 6.000 đồng/việc</b>                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                      |
| <b>Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện</b><br><b>1. Đăng ký khai sinh, gồm: Đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân: 70.000đ/trường hợp</b> | <b>Đăng ký hộ tịch tại UBND cấp huyện</b><br>Cột 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Phần II Phụ lục<br><b>1. Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân): 60.000 đồng/việc.</b> | <b>Mức thu lệ phí áp dụng với việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài</b><br><b>1. Đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho</b> | Bằng mức lệ phí tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh.                                                |

| <b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>                                                         |                                                                                            | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>                                                      | <b>THUYẾT MINH</b>                                                                                                                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</b>                       | <b>Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang</b>                |                                                                             |                                                                                                                                       |
|                                                                                                     |                                                                                            | người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân: 60.000đ/trường hợp.                     |                                                                                                                                       |
| <b>2. Đăng ký khai tử, gồm: Đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử: 70.000đ/trường hợp</b>            | <b>2. Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử): 60.000 đồng/việc</b>        | <b>2. Đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử: 60.000đ/trường hợp</b>          | Bảng mức lệ phí tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh. |
| <b>3. Đăng ký kết hôn, gồm: Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn: 1.200.000 đồng/trường hợp</b> | <b>3. Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn): 1.200.000 đồng/việc</b> | <b>3. Đăng ký kết hôn, đăng ký lại kết hôn: 1.200.000 đồng/trường hợp</b>   | Bảng mức lệ phí tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND                                                    |
| <b>4. Đăng ký giám hộ; đăng ký chấm dứt giám hộ: 70.000 đồng/trường hợp</b>                         | <b>5. Giám hộ, chấm dứt giám hộ: 60.000 đồng/việc</b>                                      | <b>4. Đăng ký giám hộ; đăng ký chấm dứt giám hộ: 60.000 đồng/trường hợp</b> | Bảng mức lệ phí tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh. |
| <b>5. Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.200.000 đồng/trường hợp</b>                                      | <b>4. Nhận cha, mẹ, con: 1.200.000 đồng/việc</b>                                           | <b>5. Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 1.200.000 đồng/trường hợp</b>              | Bảng mức lệ phí tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND                                                    |
| <b>8. Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ</b>           | <b>7. Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết</b>         | <b>6. Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được</b>     | Bảng mức lệ phí tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho đảm bảo phù hợp                                                                 |

| <b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>THUYẾT MINH</b>                                                                                                                         |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                            |
| quan có thẩm quyền của nước ngoài: 70.000 đồng/trường hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 60.000 đồng/việc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài: 60.000 đồng/việc.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | với tình hình kinh tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh.                                                                            |
| <b>8.</b> Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài: 35.000 đồng/trường hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>8.</b> Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài: 60.000 đồng/việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>7.</b> Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài: 35.000 đồng/việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Bảng mức lệ phí tại Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND                                                                                          |
| <b>9.</b> Đăng ký hộ tịch khác: 70.000 đồng/trường hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>9.</b> Đăng ký hộ tịch khác: 60.000 đồng/việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>8.</b> Đăng ký hộ tịch khác: 60.000 đồng/việc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Bảng mức lệ phí tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND cho đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của các xã sau khi hợp nhất tỉnh       |
| <b>Điều 3: Các trường hợp miễn lệ phí hộ tịch</b><br><br><b>1.</b> Đăng ký hộ tịch cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, trẻ em, người cao tuổi, người dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định.<br><br><b>2.</b> Đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, đăng | <b>Khoản 2 Điều 1:</b><br><br><b>2. Đối tượng miễn, giảm nộp lệ phí hộ tịch:</b><br>a) Đối tượng miễn nộp lệ phí hộ tịch:<br>- Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật; | <b>Điều 2: Đối tượng miễn lệ phí</b><br><br><b>1.</b> Trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.<br><br><b>2.</b> Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng | Kế thừa quy định miễn lệ phí hộ tịch tại Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND nhằm đảm bảo phù hợp với đặc thù của tỉnh Tuyên Quang sau hợp nhất. |

| <b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>THUYẾT MINH</b>                                                                                                                                                                                                      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</b>                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                         |
| ký chấm dứt giám hộ, đăng ký kết hôn cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã.                                                                                                                                                                                                                               | <p>- Các trường hợp đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn tại khu vực biên giới theo quy định của mục 2 Chương III Nghị định số <a href="#">123/2015/NĐ-CP</a> ngày 15 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Công dân Việt Nam cư trú ở trong nước thực hiện việc đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn; giám hộ; kết hôn.</p> <p>b) Đối tượng giảm nộp lệ phí hộ tịch: Giảm 50% lệ phí đăng ký hộ tịch đối với cá nhân có yêu cầu đăng ký hộ tịch trực tuyến so với lệ phí đăng ký hộ tịch trực tiếp.</p> | <p>khai sinh đúng hạn, đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký giám hộ, đăng ký kết hôn.</p> <p>3. Các trường hợp đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn tại khu vực biên giới theo quy định tại mục 2 Chương III Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p>                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                         |
| <p><b>Điều 4: Chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch</b></p> <p>1. Việc thu lệ phí hộ tịch phải thực hiện đúng quy định của pháp luật.</p> <p>2. Cơ quan thu lệ phí hộ tịch quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này nộp 100% (một trăm phần trăm) số tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.</p> | <p><b>Khoản 5 Điều 1</b></p> <p><b>5. Quản lý và sử dụng tiền lệ phí:</b></p> <p>a) Đơn vị tổ chức thu nộp 100% số lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành;</p> <p>b) Hằng năm Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (đơn vị tổ chức thu) xây dựng dự toán, cấp kinh phí từ ngân sách nhà nước để chi phục vụ cho công tác quản lý, đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật.</p>                                                                                                                     | <p><b>Điều 4: Chế độ thu và phương thức thu, nộp lệ phí</b></p> <p>1. Chế độ thu nộp lệ phí: Tổ chức thu lệ phí nộp 100% lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước; thực hiện kê khai, nộp số tiền lệ phí thu được theo quy định của Luật Phí và lệ phí; Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành luật và quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Phương thức thu, nộp lệ phí: Người nộp lệ phí thực hiện nộp lệ</p> | <p>Quy định đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí.</p> |

| <b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>THUYẾT MINH</b>                                         |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| <b>Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <b>Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                            |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | phí tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                            |
| <b>Điều 5. Tổ chức thực hiện</b><br>1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.<br>2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.                                                                                                                        | <b>Điều 2.</b> Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>Điều 5. Tổ chức thực hiện</b><br>1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.<br>2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.                                                                                 | Bố cục thành 01 điều riêng quy định về tổ chức thực hiện   |
| <b>Điều 6. Điều khoản thi hành</b><br>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 02 tháng 07 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 07 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số <a href="#">12/2017/NQ-HĐND</a> ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./. | Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số <a href="#">61/2016/NQ-HĐND</a> ngày 11 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang./. | <b>Điều 6. Điều khoản thi hành</b><br>Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa ... kỳ họp thứ... thông qua ngày ..... tháng ..... năm 2026, có hiệu lực từ ngày ....tháng ..... năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang quy định về lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Nghị quyết số 20/2022/NQ- | Bố cục thành 01 điều riêng quy định về điều khoản thi hành |

| <b>VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>                                   |                                                                             | <b>DỰ THẢO VĂN BẢN</b>                                                                                                                         | <b>THUYẾT MINH</b> |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 03/7/2022 của HĐND tỉnh Tuyên Quang</b> | <b>Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang</b> |                                                                                                                                                |                    |
|                                                                               |                                                                             | HĐND ngày 03/07/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang quy định về mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. |                    |